



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 12 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN – chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm, giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2020
(Tài liệu phục vụ cuộc họp HĐND tỉnh tháng 6/2020)

Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và tài chính ngân sách năm 2020 tỉnh Thanh Hóa diễn ra trong bối cảnh dịch Covid-19 tác động đến nhiều mặt của đời sống kinh tế - xã hội; các hoạt động xuất nhập khẩu, lưu thông, vận chuyển hàng hóa, hành khách và các lĩnh vực như: y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, dịch vụ lưu trú, ăn uống, nhất là du lịch, bị ảnh hưởng rõ rệt; một số ngành sản xuất bước đầu bị ảnh hưởng do thiếu hụt nguồn cung nguyên, vật liệu đầu vào... Với sự chỉ đạo quyết liệt của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, cùng sự nỗ lực cố gắng của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm của tỉnh cơ bản vẫn giữ ổn định, nhiều lĩnh vực có bước phát triển. Kết quả thực hiện nhiệm vụ thu NSNN – chi NSDP 6 tháng đầu năm 2020 trên các lĩnh vực như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU NSNN, CHI NSDP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

I. Về thu ngân sách

1. Kết quả thu NSNN trên địa bàn

Dự toán thu NSNN năm 2020 được HĐND tỉnh Nghị quyết là 28.967 tỷ đồng. Ước thực hiện 6 tháng là 14.485 tỷ đồng, đạt 50% dự toán giao, bằng 104% so với cùng kỳ.

1.1. Thu nội địa: Dự toán giao 19.567 tỷ đồng. Ước thực hiện 6 tháng là 8.457 tỷ đồng, đạt 43% dự toán, bằng 100% cùng kỳ.

- Thu tiền sử dụng đất: Dự toán giao 4.770 tỷ đồng. Ước thực hiện 6 tháng là 3.181 tỷ đồng, đạt 67% dự toán giao, bằng 134% cùng kỳ.

Trong đó, thực thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách cấp tỉnh 6 tháng ước đạt 280 tỷ đồng/650 tỷ đồng, đạt 43% dự toán thực thu; số GTGC tiền sử dụng đất 6 tháng ước đạt 144 tỷ đồng/570 tỷ đồng, đạt 25% dự toán GTGC.

- Thu xổ số kiến thiết: Dự toán giao 15 tỷ đồng. Ước thực hiện 6 tháng là 12 tỷ đồng, đạt 81% dự toán giao, bằng 146% cùng kỳ.

- Thu nội địa trừ tiền sử dụng đất, xổ số: Dự toán giao 14.782 tỷ đồng. Ước thực hiện 6 tháng là 5.264 tỷ đồng, đạt 36% dự toán, bằng 86% cùng kỳ.

Có 6/12 lĩnh vực đảm bảo tiến độ so với dự toán giao: Thuế thu nhập cá nhân (59%); thu phí, lệ phí (52%); thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

(66%); thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (50%); thu tại xã (51%); thu khác ngân sách (50%).

Có 6/12 lĩnh vực đạt thấp so với dự toán giao: Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước (37%); thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (33%); thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (39%); thuế bảo vệ môi trường (22%); lệ phí trước bạ (41%); tiền cho thuê đất, thuê mặt nước (33%).

1.2. Các khoản thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: Dự toán giao 9.400 tỷ đồng. Ước thực hiện 6 tháng là 6.028 tỷ đồng, đạt 64% dự toán giao, bằng 110% cùng kỳ.

2. Thu NSDP được hưởng theo phân cấp

- Dự toán thu NSDP được hưởng theo phân cấp 13.833 tỷ đồng, trong đó phần điều tiết ngân sách cấp tỉnh là 7.523 tỷ đồng, điều tiết ngân sách cấp huyện xã là 6.310 tỷ đồng.

- Ước thực hiện 6 tháng là 7.109 tỷ đồng, đạt 51% dự toán, bằng 108% cùng kỳ; trong đó điều tiết ngân sách cấp tỉnh là 2.915 tỷ đồng, điều tiết ngân sách cấp huyện xã là 4.914 tỷ đồng (chủ yếu do đóng góp từ thu tiền sử dụng đất).

(Chi tiết theo biểu số 1 đính kèm)

3. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN ở các huyện, thị xã, thành phố

Tổng thu 6 tháng đầu năm ước thực hiện 5.076 tỷ đồng, đạt 63% dự toán tỉnh giao, cơ bản các huyện đều đảm bảo tiến độ so với dự toán giao.

Trong đó:

Thu tiền sử dụng đất đạt 67% kế hoạch tỉnh giao; một số huyện có số thu đạt cao so với dự toán tỉnh giao như: Hà Trung (80%), Nga Sơn (80%), Hậu Lộc (83%), Quảng Xương (86%), Thọ Xuân (70%),... Nguyên nhân các huyện có số thu đạt cao là do thực hiện ghi thu - ghi chi từ các dự án tái định cư; thu tiền đấu giá từ các dự án đã đấu giá cuối năm 2019 và thu đấu giá chủ yếu từ các xã đang xây dựng nông thôn mới tại các huyện.

Các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác đạt 59% dự toán; một số huyện có số thu đạt cao so với dự toán tỉnh giao như: thành phố Thanh Hóa (66%), Hậu Lộc (63%), Hoằng Hóa (58%), Thọ Xuân (63%),...

(Chi tiết theo biểu số 2 đính kèm)

4. Những nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến kết quả thu trong kỳ

4.1. Thuận lợi

a) Tình hình kinh tế xã hội và công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh

- Tình hình kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh đã từng bước được phục hồi và có chuyển biến tích cực; dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ, không phát sinh ca bệnh mới, một số hoạt động sản xuất kinh doanh không thiết yếu đã được phép hoạt động trở lại, nhiều doanh nghiệp

tạm ngừng hoạt động do dịch Covid-19 nay đã quay trở lại hoạt động. Đặc biệt, một số ngành dịch vụ bị ảnh hưởng nhiều do dịch Covid-19 đã có sự tăng trưởng trở lại như: bán lẻ, hoạt động khách sạn – du lịch lữ hành, vận chuyển hành khách,...

- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo nhằm phòng chống, ngăn chặn và hạn chế tác động của dịch Covid-19 đến thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và thực hiện nhiệm vụ thu NSNN, huy động được sự tham gia tích cực của các ngành, các cấp vào công tác quản lý thu: Công văn số 1561-CV/TU ngày 31/01/2020, số 1611-CV/TU ngày 09/3/2020 của Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19; Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 16/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách nhằm hạn chế tác động của dịch Covid-19 đến thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; Thông báo số 77/TB-UBND ngày 08/5/2020 của Văn phòng UBND tỉnh về thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị nghe báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu NSNN 4 tháng đầu năm 2020; Công văn số 5756/UBND-NN ngày 09/5/2020 của UBND tỉnh về tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trong tình hình mới; Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 29/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp điều hành tài chính – NSDP những tháng cuối năm 2020;...

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 về kế hoạch hoạch đấu giá quyền sử dụng đất trong năm 2020 làm cơ sở để các ngành, địa phương thực hiện các trình tự, thủ tục để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất.

b) Tình hình xuất nhập khẩu

Hầu hết các mặt hàng xuất nhập khẩu có số thu lớn đều có mức tăng mạnh so với cùng kỳ, đặc biệt là mặt hàng dầu thô, hóa chất của Công ty TNHH lọc hóa dầu Nghi Sơn; máy móc thiết bị của Dự án Nhiệt điện BOT Nghi Sơn 2, Công ty cổ phần Gang thép Nghi Sơn.

4.2. Khó khăn

a) Tác động của thực hiện Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ

Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt (nhằm hạn chế tác hại của bia rượu) đã tác động trực tiếp đến sản xuất và tiêu thụ bia rượu, kinh doanh ăn uống...; cụ thể: Tổng Công ty bia rượu nước giải khát cắt toàn bộ sản lượng gia công bia Hà Nội từ cuối tháng 4/2020; sản lượng tiêu thụ của Công ty cổ phần bia Thanh Hóa ước thực hiện 6 tháng được 16,3 triệu lít, bằng 24% so với kế hoạch và 52% so với cùng kỳ; nộp ngân sách là 91,3 tỷ đồng, đạt 23% so với dự toán giao, bằng 53% so với cùng kỳ. Dự kiến số giảm thu do tác động của thực hiện Nghị định 100/2019/NĐ-CP là 200 tỷ đồng (100% ngân sách cấp tỉnh).

b) Tác động của dịch Covid-19

Kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh những tháng đầu năm chịu tác động của dịch Covid-19, đặc biệt là các lĩnh vực: Du lịch, thương mại, tiêu dùng, vận tải, kinh doanh xăng dầu... Các doanh nghiệp may gia công giày, dép, quần áo xuất khẩu gặp khó khăn do thiếu hụt nguyên liệu sản xuất; xuất khẩu chậm, lượng hàng tồn kho nhiều do các thị trường Mỹ, Hàn Quốc, Châu Âu đang bị ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Trong đó, doanh nghiệp có số thu ngân sách giảm lớn nhất là Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn. Dự báo thuế tiêu thụ đặc biệt từ Công ty giảm 1.001 tỷ đồng so với dự toán giao (3.760 tỷ đồng) do chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 nên sản lượng tiêu thụ gặp khó khăn, tồn kho nhiều¹; giá xăng giảm mạnh so với giá xây dựng được Bộ Tài chính giao². Mặt khác, do đang lỗ, đồng thời phải trích lập dự phòng nhiều nên công ty đang gặp khó khăn về mặt tài chính, hiện Công ty đã có văn bản đề nghị Chính phủ Việt Nam, Bộ Tài chính cho gia hạn đối với các sắc thuế của ngành dầu khí do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Ngày 08/4/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 41/2020/NĐ-CP về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất dẫn đến các khoản phải nộp tập trung vào cuối năm, NNT được giãn tiến độ nộp thuế nhưng gây áp lực về tài chính các tháng cuối năm. Dự báo tổng số thuế dự kiến gia hạn trên địa bàn toàn tỉnh là 532 tỷ đồng, trong đó thuế GTGT là 325 tỷ đồng, thuế TNDN là 115 tỷ đồng; thuế GTGT và TNCN gia hạn cho hộ KD là 16 tỷ đồng; tiền thuê đất 76 tỷ đồng.

Dự kiến tổng số giảm thu nội địa do ảnh hưởng của dịch Covid-19 là 1.850 tỷ đồng (thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài giảm 1.099 tỷ đồng; thu thuế bảo vệ môi trường giảm 244 tỷ đồng; thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước giảm 70 tỷ đồng; lệ phí trước bạ giảm 54 tỷ đồng;...); phần giảm thu ngân sách địa phương là 689 tỷ đồng (ngân sách cấp tỉnh 462 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện xã 227 tỷ đồng).

c) Các yếu tố khác

- Bộ Tài chính chủ trương không chấp thuận cho Công ty TNHH lọc hóa dầu Nghi Sơn áp dụng Thỏa thuận bảo lãnh và cam kết của Chính phủ (GGU) đối với kê khai, nộp thuế BVMT nên giao dự toán thuế BVMT của Công ty năm 2020 cho tỉnh Thanh Hóa là 1.416 tỷ đồng. Tuy nhiên hiện nay Công ty vẫn đang kê khai và nộp thuế BVMT theo cam kết Chính phủ GGU. Ngày 18/02/2020, UBND tỉnh đã có văn bản số 1755/UBND-KTTC gửi Thủ tướng Chính phủ đề nghị chỉ đạo giải quyết vướng mắc về kê khai, nộp thuế BVMT. Ngày 10/3/2020, Bộ Tài chính có Công văn số 2661/BTC-TCT gửi Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn yêu cầu Công ty thực hiện nộp thuế BVMT theo

¹ Ước sản lượng tiêu thụ 6 tháng được 3.630 nghìn tấn, đạt 45,4% so với kế hoạch, bằng 93,5% so với cùng kỳ; nộp ngân sách là 1.009 tỷ đồng, đạt 26,8% kế hoạch và 66,3% cùng kỳ.

² Xăng A92 giá bán 10,03 triệu đồng/tấn, bằng 55,6% giá giao dự toán; xăng A95 giá bán 10,87 triệu đồng/tấn, bằng 57,4% giá giao dự toán.

quy định hiện hành. Phúc đáp công văn của Bộ Tài chính, ngày 18/3/2020, Công ty có văn bản số 242/2020/NSRP-HAC, theo đó Công ty vẫn bảo lưu quan điểm nộp thuế theo GGU.

Trường hợp Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn vẫn bảo lưu quan điểm nộp thuế theo GGU, dự kiến số thuế BVMT hực thu năm 2020 là 1.226 tỷ đồng, trong đó ngân sách tỉnh là 456 tỷ đồng.

- Tổng Công ty thuốc lá Thăng Long đã hoàn thành đầu tư nhà máy mới (di dời nhà máy cũ từ Thanh Xuân sang Hà Đông) từ tháng 10/2019 nên cắt giảm sản lượng giao gia công năm 2020 cho các doanh nghiệp thành viên, trong đó có Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa. Ước sản lượng tiêu thụ 6 tháng của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa đạt 86,8 triệu bao, đạt 30,5% kế hoạch và bằng 68,6% so với cùng kỳ; nộp ngân sách là 192 tỷ đồng, đạt 43,6% dự toán và bằng 84,3% cùng kỳ.

- Số nợ tiền sử dụng đất của một số dự án đấu giá, đấu thầu có sử dụng đất trên địa bàn còn lớn: Dự án khu dịch vụ thương mại, văn phòng và dân cư thuộc Khu đô thị Đông Hương, TP Thanh Hóa (1.071 tỷ đồng); Dự án khu đô thị Núi Long (184 tỷ đồng); Dự án Khu đô thị sinh thái hai bên bờ sông Đơ, TP Sầm Sơn (142 tỷ đồng); Dự án khu đô thị sinh thái biển Đông Á, Sầm Sơn (139 tỷ đồng); Dự án khách sạn 5 sao – văn phòng làm việc – văn phòng cho thuê và Dịch vụ thương mại tại phường Đông Hương (164 tỷ đồng);...

- Chỉ số giá tiêu dùng tháng Năm và bình quân 5 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước (tăng 4,55% và 5,86%) vẫn ở mức cao nhất trong 5 năm gần đây và cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế. Tác động lớn nhất là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng gần 15%, trong đó riêng thực phẩm tăng gần 19% do ảnh hưởng từ giá thịt lợn.

II. Kết quả thực hiện chi ngân sách địa phương

1. Tình hình thực hiện dự toán chi NSDP

Tổng dự toán chi NSDP là 35.262 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng đạt 17.257 tỷ đồng, bằng 49% so với dự toán giao đầu năm và bằng 116% cùng kỳ.

Trong đó chi tiết các lĩnh vực chủ yếu như sau:

- Chi đầu tư phát triển: Dự toán năm là 7.002 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng đạt 4.499 tỷ đồng, bằng 64% so với dự toán giao đầu năm.

- Chi thường xuyên: Tổng dự toán năm là 22.698 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng đạt 11.460 tỷ đồng, bằng 50% dự toán giao đầu năm.

- Chi từ nguồn TW bổ sung có mục tiêu: Dự toán năm 2020 là 4.955 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 1.068 tỷ đồng, bằng 22% dự toán giao đầu năm.

Trong đó:

- + Chi chương trình MTQG: dự toán đầu năm 2.524 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng 352 tỷ đồng, đạt 14% dự toán. Các nội dung thực hiện đạt tỷ lệ thấp

so với dự toán là chi đầu tư phát triển thuộc chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững và Xây dựng nông thôn mới.

+ Chi cho các chương trình, dự án quan trọng vốn đầu tư: dự toán giao đầu năm 1.839 tỷ triệu đồng; ước thực hiện 6 tháng đạt 442 tỷ đồng, bằng 24% dự toán.

+ Chi cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên: dự toán giao đầu năm 592 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng 274 tỷ đồng, đạt 46% dự toán.

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: Dự toán năm là 3,23 tỷ đồng, thực hiện đạt 100% dự toán.

2. Chi từ nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh

Chi từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh đã đáp ứng được yêu cầu xử lý các vấn đề cấp bách trên địa bàn tỉnh trong 6 tháng đầu năm. Tổng nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2020 là 359 tỷ đồng, thực hiện đến ngày 30/5/2020 là 149 tỷ đồng. Các nhiệm vụ chi chủ yếu: Thực hiện phòng, chống dịch Covid-19; hỗ trợ các hộ sản xuất do lợn mắc bệnh dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh; tiếp tục thực hiện các dự án khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra;....

(Chi tiết theo phụ biểu 4 đính kèm)

3. Đánh giá chung thực hiện dự toán chi NSDP 6 tháng đầu năm

3.1. Kết quả đạt được

a) Chi đầu tư phát triển

- Ngay từ đầu năm đã thực hiện phân bổ và thông báo vốn đầu tư XDCB trong cân đối cho các dự án đủ điều kiện giao vốn, tạo điều kiện cho các chủ đầu tư có nguồn kinh phí để sớm triển khai thực hiện dự án. Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển trong cân đối ngân sách địa phương là 7.002 tỷ đồng (cấp tỉnh 3.452 tỷ đồng, cấp huyện xã 3.550 tỷ đồng), trong đó chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 4.770 tỷ đồng (cấp tỉnh 1.220 tỷ đồng, cấp huyện xã 3.550 tỷ đồng); đã phân bổ chi tiết cho các dự án là 6.967 tỷ đồng, đạt 99,5%.

Ngay sau khi giao kế hoạch vốn chi tiết cho các chương trình, dự án, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành để đẩy nhanh tiến độ thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2020; trong đó nổi bật có quy định rõ về thời hạn giải ngân đối với từng nguồn vốn cụ thể để các cấp, các ngành và các chủ đầu tư làm căn cứ thực hiện, cụ thể: Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 03/02/2020 về đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020, Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 11/02/2020 về GPMB để thực hiện các dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh năm 2020, Công văn số 6885/UBND-THKH ngày 29/5/2020 về việc tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án dự kiến khánh thành và chuẩn bị các điều kiện để khởi công các dự án chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025;...

- Nợ đọng xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh đến hết quý 1/2020 đã cơ bản được xử lý. Kế hoạch vốn 2020 đã bố trí để xử lý nợ đọng là 1.328 tỷ đồng; nợ

động đến hết quý 1/2020 còn phải xử lý là 918 tỷ đồng (nguồn NSTW là 178 tỷ đồng, nguồn NS tỉnh là 145 tỷ đồng, nguồn NS huyện xã và huy động hợp pháp khác là 595 tỷ đồng).

b) Chi thường xuyên

- Chi ngân sách được tổ chức quản lý chặt chẽ và theo đúng các quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương đã được ban hành; bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng chế độ, chính sách của Trung ương, tỉnh đã ban hành.

- Đối với nhóm các chế độ, chính sách cho con người, chính sách an sinh xã hội: thực hiện giao ngay trong dự toán đầu năm để các địa phương chủ động thực các nhiệm vụ chi theo dự toán, góp phần ổn định đời sống người dân trên địa bàn.

Sáu tháng đầu năm 2020, các chế độ tiền lương, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương bảo hiểm được thực hiện đầy đủ kịp thời, góp phần ổn định đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng và thân nhân được quan tâm giải quyết kịp thời, đúng quy định. Thực hiện tốt công tác thăm hỏi, tặng quà của tỉnh cho 99.283 đối tượng người có công và thân nhân người có công nhân dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020, với kinh phí 24.865 triệu đồng. Quan tâm thực hiện tốt các hoạt động hỗ trợ cho người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn. 6 tháng đầu năm, thực hiện cấp 1.995 ngàn thẻ BHYT cho các nhóm đối tượng, với kinh phí 721 tỷ đồng; trợ cấp thường xuyên hàng tháng trợ giúp trên 208 ngàn đối tượng bảo trợ xã hội, với kinh phí 2.100 tỷ đồng; hỗ trợ tiền điện cho 70 ngàn đối tượng hộ nghèo, hộ chính sách xã hội, với kinh phí 23 tỷ đồng;...

- Thực hiện hỗ trợ kinh phí kịp thời cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 và hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh, góp phần thành công vào việc kiểm soát dịch Covid-19 của tỉnh; tổng kinh phí đã chi là 879.243 triệu đồng. Trong đó, thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 về việc phê duyệt hỗ trợ cho một số nhóm đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo trợ xã hội, người có công. Đến nay, toàn tỉnh đã cơ bản hoàn thành công tác chi trả kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng. Tính đến ngày 26/5/2020, tổng số đối tượng đã được nhận kinh phí hỗ trợ trên địa bàn tỉnh là trên 700 ngàn người, với kinh phí 717 tỷ đồng.

(Chi tiết theo biểu số 5 kèm theo)

3.2. Khó khăn và nguyên nhân

a) Chi đầu tư

- Tỷ lệ giải ngân của các dự án đầu tư XD CB từ nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ còn thấp do vốn giao cho một số chương trình chưa được phân

bổ chi tiết cho các dự án (CTMTQG nông thôn mới, Dự án tuyến đường bộ ven biển đoạn Hoằng Hóa – Quảng Xương và đoạn Quảng Xương – Tĩnh Gia, Dự án đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn,...). Nguyên nhân chủ yếu do hệ thống các văn bản hướng dẫn Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 (có hiệu lực thi hành từ 01/01/2020) chậm được ban hành.

- Việc nộp báo cáo quyết toán dự án hoàn thành của một số chủ đầu tư còn chậm. Nguyên nhân chủ yếu do một số dự án đầu tư do các Ban quản lý kiêm nhiệm của Chủ đầu tư nên năng lực quản lý hạn chế dẫn đến chất lượng công trình, công tác lập báo cáo quyết toán chậm hoặc thiếu hồ sơ theo quy định.

b) Chi thường xuyên

- Đối với việc thực hiện các chương trình, chính sách phát triển kinh tế: do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên một số chính sách chưa được triển khai thực hiện (chương trình đối ngoại, xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch; chính sách hỗ trợ đường bay,...); đối với các chính sách nông nghiệp, hầu hết các địa phương và đơn vị liên quan đã triển khai thực hiện nhưng do tình hình dịch bệnh nên kết quả triển khai còn thấp so với kế hoạch giao.

- Việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 đã làm ảnh hưởng đến nguồn thu và tình hình thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn được giao tại các đơn vị sự nghiệp công lập³; một số đơn vị đã cho bộ phận hợp đồng lao động hưởng lương từ nguồn thu dịch vụ tạm nghỉ việc không lương.

***Nhìn chung,** hoạt động tài chính - ngân sách 6 tháng đầu năm đã đảm bảo tiến độ dự toán giao, đáp ứng được nhu cầu chi phát triển kinh tế xã hội, ổn định an ninh chính trị, đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo các hoạt động thường xuyên của bộ máy nhà nước các cấp. Tuy nhiên, cơ cấu thu có sự thay đổi, nguồn thu chủ yếu là thu từ hoạt động xuất nhập khẩu (ngân sách trung ương) và thu tiền sử dụng đất (ngân sách huyện xã); thu nội địa còn lại đạt thấp so với dự toán giao. Việc đẩy mạnh các giải pháp khai thác nguồn thu, thu hồi thuế nợ đọng, đặc biệt là thu tiền sử dụng đất và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu trong 6 tháng cuối năm là nhiệm vụ cần ưu tiên thực hiện nhằm phấn đấu hoàn thành dự toán thu trên địa bàn và đảm bảo cân đối ngân sách.*

B. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THÀNH DỰ TOÁN THU – CHI 6 THÁNG CUỐI NĂM

I. Nhiệm vụ thu – chi tháng 6 cuối năm 2020

- | | |
|-----------------------|-----------------|
| 1. Nhiệm vụ thu NSNN: | 14.578 tỷ đồng. |
| 2. Nhiệm vụ chi NSDP: | 18.000 tỷ đồng. |

II. Giải pháp hoàn thành dự toán thu – chi 6 tháng cuối năm 2020

1. Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 do Trung ương ban hành theo Nghị quyết

³ Dự toán giao thu phí cho các đơn vị sự nghiệp là 21.243 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng đầu năm là 6.087 triệu đồng, đạt 29% dự toán

số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo đầy đủ, chính xác, khách quan và công bằng.

2. Đảm bảo cân đối nguồn lực trong điều kiện nhiệm vụ chi tăng, nguồn thu ngân sách giảm.

Rà soát nguồn kinh phí chưa thực hiện, giãn, hoãn các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp bách để đảm bảo cân đối nguồn năm 2020. Tranh thủ nguồn hỗ trợ của trung ương để thực hiện chính sách hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 và phòng chống dịch trên địa bàn.

- Các Sở, ban, ngành được giao chủ quản các chương trình, nhiệm vụ tại Quyết định 5518/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Thanh Hóa, chủ động đánh giá tiến độ thực hiện các chương trình, nhiệm vụ; rà soát các nhiệm vụ chưa thực hiện để đề xuất giãn, hoãn các nhiệm vụ chưa thực sự cần thiết gửi Sở Tài chính.

Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh phương án giãn, hoãn, giảm các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết, dành nguồn để thực hiện những nhiệm vụ chi cấp bách, bổ sung nguồn lực cho đầu tư phát triển và bù hụt thu ngân sách cấp tỉnh.

- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo rà soát lại các nhiệm vụ, giãn, hoãn các khoản chi chưa thực sự cần thiết, dành nguồn để chủ động đáp ứng những nhiệm vụ chi cấp bách, bổ sung nguồn lực cho đầu tư phát triển và bù hụt thu ngân sách cấp mình.

- Các đơn vị dự toán tổ chức thực hiện dự toán chi thường xuyên bám sát dự toán đã được Hội đồng nhân dân nghị quyết và Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Tiếp tục đẩy mạnh việc quản lý chặt chẽ, tiết kiệm chi tiêu ngân sách nhà nước ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, lập, phân bổ dự toán được giao; thắt chặt các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp, công tác phí, chi tiếp khách, khánh tiết, tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng nợ chi thường xuyên. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện dự toán chi thường xuyên tại cơ quan, đơn vị mình.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nghiêm túc thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính tại cơ quan, đơn vị mình và chỉ đạo thực hiện tự kiểm tra tài chính tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành “Quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước”; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả tự kiểm tra tài chính.

3. Xây dựng các giải pháp cụ thể phù hợp với tình hình hậu dịch, vừa đảm bảo nuôi dưỡng nguồn thu, thực hiện tốt các chính sách gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất của Chính phủ, vừa phát triển nguồn thu

mới, nguồn thu vắng lai, các nguồn thu còn dư địa, chống thất thu ngân sách để hoàn thành dự toán thu.

Triển khai quyết liệt công tác thu nợ thuế, nhất là các khoản nợ thuế còn lại thuộc nhóm nợ trên, dưới 90 ngày có khả năng thu và nợ đọng tiền thuê đất, tiền sử dụng đất.

Tập trung rà soát các nguồn thu trên địa bàn: thu từ các doanh nghiệp thực hiện các dự án đầu tư bằng vốn NSNN; thu từ các hoạt động vắng lai trên địa bàn, các nhà thầu nước ngoài, các cơ sở sản xuất kinh doanh có trụ sở chính đóng tại tỉnh ngoài... để yêu cầu các doanh nghiệp đăng ký, kê khai, nộp thuế vào NSNN.

Tăng cường nắm bắt tình hình hoạt động của doanh nghiệp, nhất là nhóm doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực đóng góp lớn vào tăng trưởng và thu ngân sách của tỉnh để chủ động hỗ trợ, tạo điều kiện đẩy mạnh sản xuất; khuyến khích các doanh nghiệp có thuận lợi về thị trường tiêu thụ tiếp tục tăng sản lượng để bù đắp cho các sản phẩm không đạt kế hoạch do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Cục Thuế làm việc với Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn để thu thuế BVMT theo Công văn 2661/BTC-TCT ngày 10/3/2020 của Bộ Tài chính. Trường hợp Công ty vẫn bảo lưu quan điểm nộp thuế theo GGU, đề nghị Chính phủ hỗ trợ bù hụt thu ngân sách địa phương.

Cục Hải quan tỉnh chủ động làm việc với các nhà đầu tư để xúc tiến hoạt động xuất, nhập khẩu qua Cảng Nghi Sơn; mời gọi các nhà đầu tư xuất nhập khẩu qua cảng nhằm tăng thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu.

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã thành phố tích cực phối hợp, hỗ trợ cơ quan thuế trong công tác thu NSNN.

4. Đẩy nhanh tiến độ chi đầu tư xây dựng cơ bản; tích cực khai thác nguồn thu từ đất để tăng chi đầu tư phát triển; đạt mục tiêu kép, vừa xây dựng đô thị mới vừa có nguồn lực để tăng chi đầu tư phát triển.

- Đẩy nhanh các thủ tục hành chính phê duyệt phương án đấu giá, thẩm định giá đất; thúc đẩy hoàn thành sớm kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã phê duyệt tại Quyết định 82/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Khẩn trương thực hiện các trình tự, thủ tục khai thác quỹ đất và bán tài sản trên đất tại các cơ sở nhà đất là trụ sở làm việc của các cơ quan còn dôi dư trên địa bàn thành phố Thanh Hóa.

- Đẩy mạnh công tác giải phóng mặt bằng và quyết toán chi phí giải phóng mặt bằng các dự án để đẩy nhanh tiến độ thu tiền sử dụng đất.

- Đối với các đơn vị còn nợ tiền sử dụng đất: Khẩn trương thực hiện nộp tiền sử dụng đất vào ngân sách theo đúng quy định và đảm bảo theo thời gian đã cam kết. Trường hợp nộp chậm so với tiến độ đã cam kết, thực hiện: cưỡng chế

thu; thu hồi đất; hủy kết quả trúng đấu giá, đấu thầu; thông báo không được tham gia đấu thầu, đấu giá các dự án mới và các biện pháp khác.

- Đối với các dự án đến ngày 30/8/2020 chưa đảm bảo hồ sơ, thủ tục để giao vốn; các dự án có tiến độ thực hiện chậm, tỷ lệ giải ngân không đảm bảo quy định tại chỉ thị 04/CT-UBND ngày 03/02/2020, chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 16/3/2020, thông báo số 63/TB-UBND ngày 28/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh: Thực hiện điều chuyển vốn để bổ sung cho các chương trình, dự án có tiến độ thực hiện nhanh nhưng còn thiếu vốn.

5. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư; chủ động đón bắt thời cơ, thu hút nguồn lực bên ngoài, đón đầu làn sóng dịch chuyển vốn đầu tư hậu dịch Covid-19 để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội./.

UBND TỈNH THANH HÓA

BIỂU 1
ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THÁNG 6 NĂM 2020

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỲ
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	28.967.000	14.485.490	50%	104%
I	Thu nội địa	19.567.000	8.457.002	43%	100%
	Thu nội địa trừ tiền SD đất, xổ số	14.782.000	5.263.710	36%	86%
1	Thu từ khu vực DNNN	1.855.000	691.477	37%	75%
1.1	Thu từ khu vực DNNN trung ương	1.750.000	645.305	37%	75%
1.2	Thu từ khu vực DNNN địa phương	105.000	46.172	44%	89%
2	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	4.480.000	1.476.288	33%	75%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.100.000	813.823	39%	88%
4	Thuế thu nhập cá nhân	780.000	470.323	59%	112%
5	Thuế bảo vệ môi trường	2.670.000	581.231	22%	92%
6	Lệ phí trước bạ	900.000	365.105	41%	98%
7	Thu phí, lệ phí	320.000	166.731	52%	106%
8	Các khoản thu về nhà, đất	5.737.000	3.508.069	61%	130%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	45.000	22.563	50%	104%
-	Thu tiền sử dụng đất	4.770.000	3.181.100	67%	134%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	922.000	304.210	33%	99%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		196		22%
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	120.000	79.164	66%	96%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chi của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	10.000	1.600	16%	128%
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	15.000	12.192	81%	146%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	80.000	40.861	51%	133%
13	Thu khác ngân sách	500.000	250.138	50%	133%
II	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	9.400.000	6.028.488	64%	110%
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	9.160.000	5.832.114	64%	110%
2	Thuế xuất khẩu	100.000	127.101	127%	113%
3	Thuế nhập khẩu	130.000	65.815	51%	100%
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu		319		1276%
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	10.000	2.842	28%	64%
6	Thu khác ngân sách		297		94%
B	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	13.832.700	7.108.871	51%	108%
	TĐ: Thu NSDP trừ tiền SDD, xổ số, GTGC tiền thuê đất	8.425.700	3.915.579	46%	93%

BIỂU 2

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU NSNN , CHI NSDP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020 CỦA CÁC HUYỆN, THỊ, TP

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên huyện	Thu ngân sách nhà nước						SS ước TH/DT(%)			Chi NS huyện		
		Dự toán thu NSNN tính giao	Trong đó		Ước thực hiện 6 tháng	Trong đó		Tổng thu NSNN	Thu tiền sử dụng đất	Thu NSNN đã loại trừ thu tiền SDD	Dự toán NSHX tính giao	Ước thực hiện chi NS huyện 6 tháng	SS ước TH/DT (%)
			Thu tiền SDD	Các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác		Thu tiền sử dụng đất	Các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác						
	Tổng số	7.994.966	4.770.000	3.224.966	5.076.100	3.181.100	1.895.000	63%	67%	59%	18.200.952	11.242.519	62%
1	TP. Thanh Hóa	3.036.604	1.970.000	1.066.604	1.692.270	990.143	702.127	56%	50%	66%	1.919.528	1.494.448	78%
2	TP. Sầm Sơn	473.122	300.000	173.122	177.579	75.000	102.579	38%	25%	59%	591.351	361.400	61%
3	TX, Bim Sơn	236.258	30.000	206.258	131.501	24.816	106.685	56%	83%	52%	243.768	154.000	63%
4	H. Hà Trung	241.370	100.000	141.370	161.080	80.000	81.080	67%	80%	57%	544.267	380.987	70%
5	H. Nga Sơn	313.943	250.000	63.943	234.245	200.000	34.245	75%	80%	54%	788.105	551.674	70%
6	H. Hậu Lộc	268.339	200.000	68.339	208.299	165.000	43.299	78%	83%	63%	801.965	529.297	66%
7	H. Hoằng Hóa	523.702	400.000	123.702	301.920	230.000	71.920	58%	58%	58%	1.178.841	801.612	68%
8	Quảng Xương	298.107	210.000	88.107	226.706	180.000	46.706	76%	86%	53%	799.430	399.718	50%
9	H. Tĩnh Gia	312.032	120.000	192.032	273.492	165.000	108.492	88%	138%	56%	1.007.327	575.092	57%
10	Nông Cống	191.975	120.000	71.975	167.773	130.500	37.273	87%	109%	52%	687.088	425.995	62%
11	H. Đông Sơn	207.479	130.000	77.479	134.527	90.500	44.027	65%	70%	57%	437.258	288.590	66%
12	H. Triệu Sơn	280.210	180.000	100.210	170.705	120.000	50.705	61%	67%	51%	871.193	522.716	60%
13	H Thọ Xuân	315.088	200.000	115.088	212.931	140.000	72.931	68%	70%	63%	1.056.498	718.419	68%
14	H. Yên Định	304.824	170.000	134.824	217.829	150.200	67.629	71%	88%	50%	721.234	476.015	66%
15	H. Thiệu Hóa	176.701	110.000	66.701	181.148	140.300	40.848	103%	128%	61%	594.756	380.644	64%
16	H. Vĩnh Lộc	120.752	70.000	50.752	157.259	130.000	27.259	130%	186%	54%	429.485	266.281	62%
17	Thạch Thành	83.145	30.000	53.145	49.016	22.500	26.516	59%	75%	50%	669.129	296.400	44%
18	H. Cẩm Thủy	108.822	55.000	53.822	93.934	65.000	28.934	86%	118%	54%	513.364	297.751	58%
19	H. Ngọc Lặc	72.547	30.000	42.547	31.485	9.500	21.985	43%	32%	52%	621.115	372.669	60%
20	Như Thanh	118.224	50.000	68.224	70.301	35.000	35.301	59%	70%	52%	555.951	310.510	56%
21	Lạng Chánh	20.341	0	20.341	11.066	2.000	9.066	54%		45%	349.040	171.648	49%
22	Bá Thước	46.451	5.000	41.451	30.956	11.641	19.315	67%	233%	47%	619.832	311.310	50%
23	Quan Hóa	82.165	0	82.165	50.750	500	50.250	62%		61%	390.994	203.317	52%
24	Thường Xuân	78.873	15.000	63.873	43.900	8.500	35.400	56%	57%	55%	642.070	344.642	54%
25	Như Xuân	60.846	25.000	35.846	32.150	13.500	18.650	53%	54%	52%	447.419	237.296	53%
26	H. Mường Lát	10.726	0	10.726	5.920	500	5.420	55%		51%	345.958	175.618	51%
27	H. Quan Sơn	12.320	0	12.320	7.360	1.000	6.360	60%		52%	373.985	194.472	52%

BIỂU 3

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THÁNG 6 NĂM 2020

Đơn vị: Trđ

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ
	TỔNG CHI NSDP	35.261.758	17.257.169	49%	116%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	30.306.951	16.188.600	53%	118%
I	Chi đầu tư phát triển	7.001.736	4.498.686	64%	144%
1	Chi đầu tư cho các dự án	6.950.736	4.458.730	64%	168%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	30.000	30.000	100%	100%
3	Chi đầu tư phát triển khác	21.000	9.956	47%	2%
II	Chi thường xuyên	22.697.859	11.459.727	50%	110%
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	9.767.348	4.620.971	47%	105%
2	Chi khoa học và công nghệ	124.566	34.218	27%	85%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2.618.671	1.309.336	50%	102%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	358.379	165.841	46%	90%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình				
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	537.914	216.549	40%	122%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	2.366.396	1.186.359	50%	100%
9	Chi quản lý hành chính	4.028.630	1.935.450	48%	106%
10	Chi bảo đảm xã hội	1.627.296	1.580.876	97%	219%
11	Chi Đề án XD chính quyền điện tử	500.000	83.240	17%	42%
12	Các nội dung khác	768.659	326.889	43%	79%
III	Chi trả nợ lãi vay	13.300	340		
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	3.230	3.230	100%	100%
V	Dự phòng ngân sách	590.826	226.617	38%	138%
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	4.954.807	1.068.569	22%	96%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	2.523.503	352.263	14%	84%
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.839.170	442.350	24%	100%
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	592.134	273.956	46%	111%

BIỂU 4**TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP TỈNH***DVT: triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Quyết định		
		Số quyết định	Ngày ban hành	Số tiền
I	Dự toán			359.062
II	Nội dung thực hiện đến 30/5/2020			149.432
1	Phòng, chống dịch nCoV	453/QĐ-UBND	5/02/2020	37.706
2	Điều động phương tiện để phục vụ công tác khắc phục hậu quả thiên tai năm 2019	192/QĐ-UBND	15/02/2020	103
3	Phòng, chống dịch nCoV	580/QĐ-UBND	18/02/2020	2.656
4	Xử lý khẩn cấp tuyến đường cứu hộ cứu nạn từ đường DD7 đi đê PAM xã Đa Lộc, Hậu Lộc	831/QĐ-UBND	6/3/2020	3.500
5	Phòng, chống dịch nCoV	920/QĐ-UBND	16/3/2020	86
6	Hỗ trợ thiệt hại do lợn mắc bệnh dịch tả lợn Châu phi đến 06/02/2020	924/QĐ-UBND	17/3/2020	8.967
7	Phòng, chống dịch nCoV	1074/QĐ-UBND	27/3/2020	47.452
8	Khôi phục, phát triển SX cho ngư dân xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương	1199/QĐ-UBND	6/4/2020	206
9	Phòng, chống dịch nCoV	1234/QĐ-UBND	8/4/2020	7.731
10	Hỗ trợ kinh phí cho các hộ dân bị ảnh hưởng do mưa lũ gây ra trên tuyến đường Hồi Xuân - Tén Tằn	1254/QĐ-UBND	9/4/2020	1.133
11	Xử lý sạt lở đường đầu cầu phía Nam cầu Yên Hòa	1314/QĐ-UBND	16/4/2020	19.000
12	Phòng, chống dịch nCoV	1342/QĐ-UBND	17/4/2020	17.870
13	Huy động, nhân lực tàu thuyền dân sự để bảo vệ chủ quyền biển đảo	1897/QĐ-UBND	26/5/2020	3.022
III	Nguồn dự phòng còn lại			209.630

BIỂU 5

TỔNG HỢP KINH PHÍ NGÂN SÁCH ĐÃ CHI PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN GẶP KHÓ KHĂN DO DỊCH COVID-19

ĐVT: trđ

TT	Nội dung	Tổng	Chi phòng, chống dịch Covid-19	Chi hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch Covid-19 (nhóm đối tượng nghèo, cận nghèo, BTXH, NCC)	
				Số đối tượng	Kinh phí
	Tổng	879.243	161.552	713.118	717.691
I	Cấp tỉnh	113.500	113.500		
II	Cấp huyện	765.743	48.052	713.118	717.691
1	TP. Thanh Hóa	34.238	4.963	19.127	29.275
2	TP. Sầm Sơn	14.318	1.676	11.073	12.642
3	TX, Bim Sơn	5.024	436	3.596	4.588
4	H. Hà Trung	20.764	657	17.940	20.107
5	H. Nga Sơn	28.381	827	25.612	27.554
6	H. Hậu Lộc	32.994	650	28.073	32.344
7	H. Hoằng Hóa	42.907	1.807	35.441	41.100
8	Quảng Xương	43.271	1.515	42.188	41.756
9	H. Tĩnh Gia	46.041	3.589	43.655	42.452
10	Nông Cống	33.414	3.500	26.969	29.914
11	H. Đông Sơn	13.096	953	10.187	12.143
12	H. Triệu Sơn	41.335	3.717	35.097	37.618
13	H Thọ Xuân	58.370	5.371	51.206	52.999
14	H. Yên Định	39.836	1.979	35.435	37.857
15	H. Thiệu Hóa	42.463	2.239	39.022	40.224
16	H. Vĩnh Lộc	22.290	1.280	20.685	21.010
17	Thạch Thành	24.395	909	24.200	23.486
18	H. Cẩm Thủy	16.800	540	15.623	16.260
19	H. Ngọc Lặc	25.552	1.186	26.523	24.366
20	Như Thanh	25.800	1.010	28.362	24.790
21	Lạng Chánh	15.065	988	16.461	14.077
22	Bá Thước	28.960	1.433	31.376	27.527
23	Quan Hóa	20.454	1.258	23.242	19.196
24	Thường Xuân	34.497	835	39.725	33.662
25	Như Xuân	16.363	1.462	17.596	14.901
26	H. Mường Lát	18.772	500	23.313	18.272
27	H. Quan Sơn	20.343	2.772	21.391	17.571